

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 37

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Gạch ngói Đồng Nai trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Gạch ngói Đồng Nai (gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Gạch ngói Đồng Nai theo Quyết định số 2313/QĐ-BXD ngày 15/12/2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc phê duyệt điều chỉnh phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty Gạch ngói Đồng Nai thuộc Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng Số 1 thành công ty cổ phần. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 4103004478, đăng ký lần đầu ngày 21/3/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ ba ngày 22/3/2011 chuẩn y việc thay đổi mã số đăng ký doanh nghiệp mới là 0300397028

Vốn điều lệ: 60.000.000.000 đồng (Sáu mươi tỷ đồng).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: DONG NAI BRICK AND TILE CORPORATION, tên viết tắt là: TUILDONAI CORP.

Trụ sở chính Công ty tại: Số 119 - Điện Biên Phủ - Phường ĐaKao - Quận 1 - Tp. Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Đức Hoàng	Chủ tịch
	Ông Hồ Đình Thuần	Thành viên
	Bà Bùi Thị Chiêm	Thành viên
	Ông Võ Đình Thanh Thuyền	Thành viên
	Ông Nguyễn Hoàng Linh	Thành viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này:

Ban Giám đốc	Ông Nguyễn Đức Hoàng	Tổng Giám đốc
	Ông Hoàng Quang Tuyền	Phó Tổng Giám đốc Kỹ thuật sản xuất
	Ông Nguyễn Văn Vinh	Phó Tổng Giám đốc Kế hoạch đầu tư
	Ông Hoàng Hữu Thắng	Phó Tổng Giám đốc Hành chính nhân sự

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc



Nguyễn Đức Hoàng
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 02 năm 2017

Số: 95/2017/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM/HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Gạch ngói Đồng Nai

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Gạch ngói Đồng Nai, được lập ngày 18 tháng 02 năm 2017, từ trang 05 đến trang 37, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

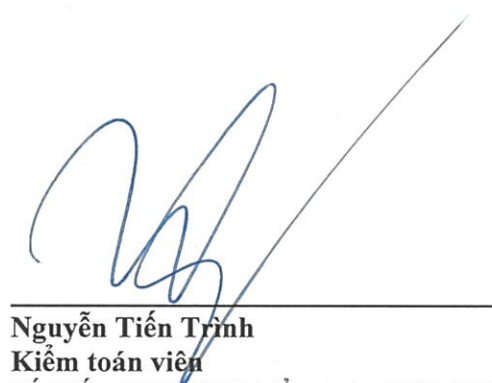
Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 0779-2015-137-1
Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM - CHI NHANH TP. HỒ CHÍ MINH
Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2017



Nguyễn Tiến Trình
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 1806-2015-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		99.288.714.613	92.702.871.380
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	34.822.574.855	14.052.889.212
1. Tiền	111		23.872.574.855	8.052.889.212
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.950.000.000	6.000.000.000
II- Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		26.936.149.466	14.926.289.463
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	18.888.075.102	18.482.944.719
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		5.334.031.006	244.560.600
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	4.684.711.048	1.510.740.474
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.4	(1.970.667.690)	(5.311.956.330)
IV- Hàng tồn kho	140	5.5	36.617.988.966	62.333.515.882
1. Hàng tồn kho	141		39.492.611.440	72.112.078.882
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.874.622.474)	(9.778.563.000)
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		912.001.326	1.390.176.823
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6	58.664.664	773.100.153
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		853.336.662	617.076.670
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		122.785.948.592	153.700.025.785
I Các khoản phải thu dài hạn	210	5.3	860.480.008	736.493.387
1. Phải thu dài hạn khác	216		860.480.008	736.493.387
II Tài sản cố định	220		98.207.337.511	131.918.886.620
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	98.207.337.511	131.918.886.620
- Nguyên giá	222		328.582.899.496	327.449.411.497
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(230.375.561.985)	(195.530.524.877)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	-	-
- Nguyên giá	228		142.072.860	142.072.860
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(142.072.860)	(142.072.860)
III. Bất động sản đầu tư	230	5.9	6.880.560.647	7.377.950.592
1. Nguyên giá	231		12.207.837.490	12.207.837.490
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(5.327.276.843)	(4.829.886.898)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.114.107.113	1.552.272.912
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.10	1.114.107.113	1.552.272.912
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		10.000.000.000	10.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	5.11	10.000.000.000	10.000.000.000
VI Tài sản dài hạn khác	260		5.723.463.313	2.114.422.274
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	5.723.463.313	2.114.422.274
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		222.074.663.205	246.402.897.165

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		105.954.094.406	156.381.320.321
I- Nợ ngắn hạn	310		100.282.117.873	128.293.845.861
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	18.949.895.894	25.759.788.305
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.002.843.126	1.060.221.607
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	6.543.822.579	2.174.523.949
4. Phải trả người lao động	314		10.376.467.177	8.030.032.297
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	1.460.524.120	36.799.028.743
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	9.781.395.566	8.061.721.806
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	46.778.970.486	42.717.930.229
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		5.388.198.925	3.690.598.925
II- Nợ dài hạn	330		5.671.976.533	28.087.474.460
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.15	1.051.805.731	1.051.805.731
2. Vay và nợ và thuê tài chính dài hạn	338	5.16	-	22.317.997.927
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		4.620.170.802	4.717.670.802
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		116.120.568.799	90.021.576.844
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.17	116.120.568.799	90.021.576.844
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		60.000.000.000	60.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		60.000.000.000	60.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.305.148.444	2.305.148.444
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		16.537.041.970	13.805.841.970
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		37.278.378.385	13.910.586.430
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kì trước	421a		8.538.582.136	7.746.192.370
- LNST chưa phân phối kì này	421b		28.739.796.249	6.164.394.060
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430 = 300+400)	440		222.074.663.205	246.402.897.165

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 02 năm 2017

Người lập

Nguyễn Thị Vân

Kế toán trưởng

Bùi Thị Chiêm

Tổng Giám đốc



Nguyễn Đức Hoàng

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.18	310.444.268.993	258.964.072.815
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	76.391.065
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.18	310.444.268.993	258.887.681.750
4. Giá vốn hàng bán	11	5.19	234.197.667.733	209.441.267.990
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		76.246.601.260	49.446.413.760
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.20	459.761.261	608.259.453
7. Chi phí tài chính	22	5.21	4.131.898.037	5.879.139.088
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.000.686.478	5.691.022.458
8. Chi phí bán hàng	25	5.22	14.336.979.594	13.929.256.095
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.23	17.094.350.810	17.119.681.244
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		41.143.134.080	13.126.596.786
11. Thu nhập khác	31		1.311.706	208.762.149
12. Chi phí khác	32		5.330.250	20.568.032
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		(4.018.544)	188.194.117
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		41.139.115.536	13.314.790.903
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.24	8.199.319.287	2.950.396.843
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		32.939.796.249	10.364.394.060

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 02 năm 2017

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Thị Vân

Bùi Thị Chiêm

Nguyễn Đức Hoàng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	41.139.115.536	13.314.790.903
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	35.465.936.253	25.244.003.715
- Các khoản dự phòng	03	(8.145.967.915)	5.190.704.644
- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(296.674.292)	(41.786.573)
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(3.262.344.440)	(164.699.183)
- Chi phí lãi vay	06	4.000.686.478	5.691.022.458
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	68.900.751.620	49.234.035.964
- Biến động các khoản phải thu	09	(11.102.071.072)	2.555.615.387
- Biến động hàng tồn kho	10	32.619.467.442	(11.573.529.718)
- Biến động các khoản phải trả	11	158.317.346	7.969.572.821
- Tăng/giảm chi phí trả trước	12	(2.894.605.550)	1.329.066.057
- Tiền lãi vay đã trả	14	(38.459.698.650)	(7.076.782.114)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(4.403.094.139)	(3.242.133.137)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.143.204.294)	(839.516.739)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	43.675.862.703	38.356.328.521
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(818.831.400)	(6.649.863.759)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	50.000.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.262.344.440	164.699.183
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	2.443.513.040	(6.435.164.576)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	117.935.938.528	117.187.885.265
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(136.192.896.198)	(137.101.928.812)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(7.359.517.000)	(10.302.126.250)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(25.616.474.670)	(30.216.169.797)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	20.502.901.073	1.704.994.148
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	14.052.889.212	12.305.495.969
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	266.784.570	42.399.095
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	34.822.574.855	14.052.889.212

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 02 năm 2017

Người lập

Nguyễn Thị Vân

Kế toán trưởng

Bùi Thị Chiêm

Tổng Giám đốc



Nguyễn Đức Hoàng

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Gạch ngói Đồng Nai (gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Gạch ngói Đồng Nai theo Quyết định số 2313/QĐ-BXD ngày 15/12/2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc phê duyệt điều chỉnh phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty Gạch ngói Đồng Nai thuộc Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng Số 1 thành công ty cổ phần. Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 4103004478, đăng ký lần đầu ngày 21/3/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ ba ngày 22/3/2011 chuẩn y việc thay đổi mã số đăng ký doanh nghiệp mới là 0300397028.

Vốn điều lệ: 60.000.000.000 đồng (Sáu mươi tỷ đồng).

Tên tiếng nước ngoài: DONG NAI BRICK AND TILE CORPORATION

Sở hữu vốn:

Đối tượng	Theo số cổ đông thực tế tại 31/12/2016		
	VND	%	Cổ phần
Đại diện vốn Nhà Nước:			
Ông Nguyễn Đức Hoàng	248.000.000	0,41	24.800
Ông Hồ Đình Thuần			
Công ty TNHH Xây dựng An Cư	4.000.000.000	6,67	400.000
Các cổ đông khác	55.752.000.000	92,92	5.575.200
Tổng	60.000.000.000	100	6.000.000

Trụ sở chính Công ty tại: Số 119 - Điện Biên Phủ - Phường ĐaKao - Quận 1 - Tp. Hồ Chí Minh.

Số lao động tại 31/12/2016 là 616 người (31/12/2015 là: 628 người)

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Công nghiệp sản xuất gạch ngói, vật liệu chịu lửa, gốm sứ xây dựng; Khai thác, chế biến khoáng sản; Đầu tư kinh doanh nhà và đô thị, văn phòng, căn hộ cao cấp, khu công nghiệp và khu dân cư; Môi giới bất động sản; Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, các công trình kỹ thuật hạ tầng và khu công nghiệp; Trang trí nội ngoại thất công trình; Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng, vật tư máy móc trong lĩnh vực vật liệu xây dựng; Đại lý kinh doanh xăng dầu; Mua bán thiết bị văn phòng, đồ gỗ, kim khí điện máy; Quảng cáo thương mại; Mua bán hàng tiêu dùng: thực phẩm, nước giải khát (không kinh doanh dịch vụ ăn uống), xe ô tô, xe gắn máy, phụ tùng xe gắn máy; Tư vấn và chuyển giao công nghệ sản xuất gốm thô; Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô; Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính - kế toán).

Trong năm hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất các loại gạch ngói, vật liệu chịu lửa, gốm sứ xây dựng, cho thuê văn phòng và dịch vụ vận tải./.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

1.3 Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31/12/2016, Công ty có đầu tư vào công ty con và các đơn vị trực thuộc như sau:

	Hoạt động chính	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết
Đầu tư vào công ty con			
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại TUILDONAI	Kinh doanh gạch ngói	100%	100%
Các đơn vị trực thuộc			
Nhà máy Gạch Ngói Đồng Nai 1	Sản xuất gạch ngói, VLCL, gốm sứ xây dựng		
Nhà máy Gạch Ngói Đồng Nai 2	Sản xuất gạch ngói		
Nhà máy Gạch Ngói Việt Đức	Sản xuất gạch ngói		
Nhà Máy Khai Thác & Chế Biến Khoáng Sản	Khai thác mỏ sét		

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo Kết quả kinh doanh.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính

- (i) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu,...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam tại ngày 31/12/2016.
- (ii) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam tại ngày 31/12/2016.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại các khoản mục có gốc tiền tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính

Thời điểm	Ngân hàng	Tỷ giá mua vào	Tỷ giá bán ra
31/12/2016	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	22.740 VND/USD	22.840 VND/USD

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn), các khoản tương đương tiền**

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Tương đương tiền

Là khoản tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**Các khoản đầu tư vào công ty con

Đầu tư vào công ty con: Các khoản đầu tư vào các công ty con mà công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi các công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo Tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình**

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư số 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

a. Nguyên tắc kế toán**Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình

- Quyền sử dụng đất: là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới diện tích đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ ...

Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Năm 2016
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc khác	08-25
Máy móc, thiết bị khác	03-10
Phương tiện vận tải	08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-08
Tài sản cố định khác	06-08

Riêng tài sản cố định của Nhà Máy khai thác và chế biến Khoáng Sản là đất mỏ được khấu hao theo sản lượng khai thác dự kiến là 623.800 m³ sét cho toàn bộ khu vực mỏ (từ tháng 12/2015 sản lượng khai thác dự kiến là 2.918.187 m³).

Trong năm Công ty có thực hiện thay đổi thời gian khấu hao tài sản cố định tại Nhà máy Việt Đức do một số tài sản đã xuống cấp. Việc rút ngắn thời gian khấu hao của tài sản cố định làm cho chi phí khấu hao trong năm theo thời gian khấu hao mới lớn hơn so với chi phí khấu hao trong năm theo thời gian khấu hao cũ với tổng số tiền là 7.516.927.716 đồng. Việc thay đổi thời gian khấu hao vẫn tuân thủ theo đúng quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013.

Tài sản cố định vô hình là giá trị phần mềm kế toán đã khấu hao hết.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư của Công ty bao gồm giá trị xây dựng (không bao gồm nội thất và thang máy) của tòa nhà Văn phòng tại Số 119 Điện Biên Phủ, phường ĐaKao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh được sử dụng cho mục đích thu lợi từ việc cho thuê, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 25 năm.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước dài hạn của Công ty bao gồm: Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và chi phí vi để phôi ngôi, khối xếp Ucasset tại Xí nghiệp 5. Thời gian phân bổ các chi phí này là 02 năm.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Hàng bán bị trả lại: do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Công ty ghi nhận theo nguyên tắc:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo.
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong kỳ (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.
- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chínhGhi nhận ban đầu

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, các khoản đầu tư dài hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả khách hàng và phải trả khác, các khoản vay và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	69.499.833	323.831.805
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	23.803.075.022	7.729.057.407
Tương đương tiền	10.950.000.000	6.000.000.000
Cộng	34.822.574.855	14.052.889.212

Các khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 2 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển.

5.2 Các khoản phải thu khách hàng

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	18.888.075.102	18.482.944.719
Công ty TNHH MTV Thương mại Tuildonai	11.106.215.574	3.605.003.629
Mao Kim Sean Depot	4.850.932.951	11.012.369.989
Phải thu các khách hàng còn lại	2.930.926.577	3.865.571.101
<i>Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</i>	11.106.215.574	3.605.003.629
Công ty TNHH MTV Thương mại Tuildonai	11.106.215.574	3.605.003.629
Cộng	18.888.075.102	18.482.944.719

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.3 Các khoản phải thu khác

Đơn vị tính: VND

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
a) Ngắn hạn	4.684.711.048	-	1.510.740.474	-
- Tạm ứng	4.485.647.504		1.356.276.872	
- Phải thu khác	199.063.544	-	154.463.602	-
b) Dài hạn	860.480.008	-	736.493.387	-
- Ký cược, ký quỹ	860.480.008	-	736.493.387	-
Cộng	5.545.191.056	-	2.247.233.861	-

5.4 Nợ xấu

Đơn vị tính: VND

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH Tân Hương	1.957.848.601	-	1.957.848.601	-
Các đối tượng khác	18.312.984	5.493.895	3.379.143.433	25.035.704
Cộng	1.976.161.585	5.493.895	5.336.992.034	25.035.704

Trong đó:

	Quá hạn 1-30 ngày	Quá hạn 31-60 ngày	Quá hạn 61-90 ngày	Quá hạn trên 90 ngày
Công ty TNHH Tân Hương	-	-	-	1.957.848.601
Các đối tượng khác	-	-	-	18.312.984
Cộng				1.976.161.585

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.5 Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng đang đi trên đường	-	-	705.760.791	-
Nguyên liệu, vật liệu	18.329.042.752	-	20.634.168.279	-
Công cụ, dụng cụ	1.746.859.105	-	1.570.892.826	-
Chi phí SX KDDD	32.407.875	-	21.017.159	-
Thành phẩm	19.384.301.708	(2.874.622.474)	46.520.407.157	(9.778.563.000)
Hàng gửi bán	-	-	2.659.832.670	-
Cộng	39.492.611.440	(2.874.622.474)	72.112.078.882	(9.778.563.000)

Giá trị hàng hóa ứ đọng, mất phẩm chất tại ngày 31/12/2016 là 9.592.667.157 đồng

Lý do trích lập dự phòng: giá gốc hàng tồn kho nhỏ hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

5.6 Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn	58.664.664	773.100.153
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	58.664.664	773.100.153
b) Dài hạn	5.723.463.313	2.114.422.274
Chi phí sửa chữa tài sản và Ucasset	5.723.463.313	2.114.422.274
Cộng	5.782.127.977	2.887.522.427

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.7	Tài sản cố định hữu hình	Đơn vị tính: VND					
		Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ							
	Số dư tại 01/01/2016	29.594.201.683	138.917.304.955	10.318.967.452	1.727.743.583	146.891.193.824	327.449.411.497
	Tăng trong năm	309.600.000	379.310.400	330.000.000	238.086.799	-	1.256.997.199
	Mua trong năm	-	379.310.400	330.000.000	109.521.000	-	818.831.400
	Đầu tư XDCB hoàn thành	309.600.000			128.565.799	-	438.165.799
	Giảm trong năm	-	-	-	123.509.200	-	123.509.200
	Thanh lý nhượng bán	-	-	-	123.509.200	-	123.509.200
	Số dư tại 31/12/2016	29.903.801.683	139.296.615.355	10.648.967.452	1.842.321.182	146.891.193.824	328.582.899.496
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ							
	Số dư tại 01/01/2016	19.133.698.992	86.622.594.513	8.185.845.161	1.622.135.727	79.966.250.484	195.530.524.877
	Tăng trong năm	1.228.173.237	12.959.437.373	407.422.372	125.997.113	20.247.516.213	34.968.546.308
	Khấu hao trong năm	1.228.173.237	12.959.437.373	407.422.372	125.997.113	20.247.516.213	34.968.546.308
	Giảm trong năm	-	-	-	123.509.200	-	123.509.200
	Thanh lý nhượng bán	-	-	-	123.509.200	-	123.509.200
	Số dư tại 31/12/2016	20.361.872.229	99.582.031.886	8.593.267.533	1.624.623.640	100.213.766.697	230.375.561.985
GIÁ TRỊ CÒN LẠI							
	Tại ngày 01/01/2016	10.460.502.691	52.294.710.442	2.133.122.291	105.607.856	66.924.943.340	131.918.886.620
	Tại ngày 31/12/2016	9.541.929.454	39.714.583.469	2.055.699.919	217.697.542	46.677.427.127	98.207.337.511

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 31/12/2016 với giá trị là 58.809.231.333 đồng (tại 31/12/2015 với giá trị là 58.932.740.533 đồng)

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.8 Tài sản cố định vô hình*Đơn vị tính: VND*

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2016	37.969.000	104.103.860	142.072.860
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2016	<u>37.969.000</u>	<u>104.103.860</u>	<u>142.072.860</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2016	37.969.000	104.103.860	142.072.860
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2016	<u>37.969.000</u>	<u>104.103.860</u>	<u>142.072.860</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2016	-	-	-
Tại 31/12/2016	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.9 Bất động sản đầu tư

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
a) Bất động sản đầu tư cho thuê				
Nguyên giá	12.207.837.490	-	-	12.207.837.490
- Nhà và quyền sử dụng đất	12.207.837.490			12.207.837.490
Giá trị hao mòn lũy kế	4.829.886.898	497.389.945	-	5.327.276.843
- Nhà và quyền sử dụng đất	4.829.886.898	497.389.945		5.327.276.843
Giá trị còn lại	7.377.950.592	-	497.389.945	6.880.560.647
- Nhà và quyền sử dụng đất	7.377.950.592	-	497.389.945	6.880.560.647

Bất động sản đầu tư là giá trị tòa nhà Văn phòng tại Số 119 Điện Biên Phủ, Phường ĐaKao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh (không bao gồm giá trị nội thất và giá trị thang máy). Tòa nhà này sử dụng đồng thời làm văn phòng của Công ty và cho mục đích thuê. Tuy nhiên, diện tích phần lớn là cho thuê nên Công ty theo dõi toàn bộ trên giá trị tài sản Bất động sản đầu tư và được khấu hao trong thời gian 25 năm.

5.10 Xây dựng cơ bản dở dang

Đơn vị tính: VND

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.114.107.113	1.114.107.113	1.552.272.912	1.552.272.912
Nhà máy Gạch Ngói Đồng Nai I	1.114.107.113	1.114.107.113	1.114.107.113	1.114.107.113
Mua sắm làm mới tài sản cố định	-	-	438.165.799	438.165.799
Cộng	1.114.107.113	1.114.107.113	1.552.272.912	1.552.272.912

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.11 Đầu tư vào con

Đối tượng đầu tư	Tỷ lệ biểu quyết	31/12/2016		01/01/2016	
		Giá gốc	Giá hợp lý	Giá gốc	Giá hợp lý
Đầu tư vào Công ty con		10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại TUILDONAI	100%	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
Cộng		10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000

Đơn vị tính: VND

Thông tin chi tiết về Công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

Đầu tư vào Công ty con	Nội thành lập và hoạt động	Hoạt động chính
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại TUILDONAI	119 Điện Biên Phủ, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt (gạch, ngói,...)

5.12 Phải trả người bán

Đơn vị tính: VND

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn	18.949.895.894	18.949.895.894	25.759.788.305	25.055.085.945
Công ty Xăng Dầu Khu Vực 2- TNHH MTV	923.366.400	923.366.400	2.160.840.000	2.160.840.000
Công ty TNHH Hải Anh Dương	2.498.097.000	2.498.097.000	2.721.401.000	2.721.401.000
Công ty TNHH BEHN MEYER Việt Nam	1.809.564.680	1.809.564.680	2.246.650.560	2.246.650.560
Công ty TNHH Phương Thảo	-	-	7.813.256.912	7.813.256.912
Doanh nghiệp tư nhân Cao Kim Long	3.292.653.800	3.292.653.800	3.367.754.000	3.367.754.000
Công ty TNHH TM xăng dầu Trung Anh	2.257.185.909	2.257.185.909	110.537.350	110.537.350
Phải trả người bán khác	8.169.028.105	8.169.028.105	7.339.348.483	6.634.646.123
b. Dài hạn	-	-	-	-
<i>Trong đó giao dịch các bên liên quan</i>				
Công ty TNHH MTV Thương mại Tuilidonai	264.246.926	264.246.926	454.956.924	454.956.924
Cộng	18.949.895.894	18.949.895.894	25.759.788.305	25.055.085.945

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.13 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2016	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2016
Phải nộp	2.174.523.949	32.190.933.942	27.821.635.312	6.543.822.579
Thuế GTGT	1.042.297.599	15.716.545.935	15.413.862.790	1.344.980.744
Thuế xuất, nhập khẩu	-	34.503.736	34.503.736	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	516.713.763	8.199.319.287	4.403.094.139	4.312.938.911
Thuế thu nhập cá nhân	269.516.587	745.206.868	514.864.931	499.858.524
Thuế tài nguyên	276.796.800	2.929.718.800	2.875.620.400	330.895.200
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	1.101.517.188	1.101.517.188	-
Các loại thuế khác	-	10.641.220	10.641.220	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	69.199.200	3.453.480.908	3.467.530.908	55.149.200
Số thuế còn phải nộp	2.174.523.949	32.190.933.942	27.821.635.312	6.543.822.579

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.14 Chi phí phải trả

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn	1.460.524.120	36.799.028.743
Trích trước tiền thuê đất	401.848.392	401.848.392
Trích trước chi phí lãi vay	-	33.812.704.817
Trích trước chi phí khác	1.058.675.728	2.584.475.534
Cộng	1.460.524.120	36.799.028.743

5.15 Các khoản phải trả phải nộp khác

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn	9.781.395.566	8.061.721.806
Kinh phí công đoàn	313.280.380	176.561.300
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	91.176.214	99.119.702
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	7.460.875.977	5.604.544.797
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.448.413.750	1.607.930.750
Các khoản phải trả, phải nộp khác	467.649.245	573.565.257
b) Dài hạn	1.051.805.731	1.051.805.731
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.051.805.731	1.051.805.731
Cộng	10.833.201.297	9.113.527.537

Chi tiết các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Công ty Mua bán Nợ - Bộ tài chính	287.125.970	287.125.970
Phải trả khác	180.523.275	286.439.287
Cộng	467.649.245	573.565.257

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.16 Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

	31/12/2016		Trong năm		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	46.778.970.486	46.778.970.486	117.935.938.528	113.874.898.271	42.717.930.229	42.717.930.229
Nghân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Chi nhánh Mạc Thị Bưởi	-	-	-	32.701.877.337	32.701.877.337	32.701.877.337
Nghân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Chiểu	18.514.781.748	18.514.781.748	79.455.789.790	60.941.008.042	-	-
Nghân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Nhuận	-	-	4.500.000.000	4.500.000.000	-	-
Vay ngắn hạn khác từ cá nhân	28.264.188.738	28.264.188.738	33.980.148.738	15.732.012.892	10.016.052.892	10.016.052.892
- Trần Hữu Mạnh	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	700.000.000	700.000.000	700.000.000
- Hoàng Hữu Thăng	10.100.000.000	10.100.000.000	11.000.000.000	6.900.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000
- Bùi Thuý Hằng	3.300.000.000	3.300.000.000	3.300.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
- Cao Thị Minh Nhật	-	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
- Đồng Thuý Hằng	-	-	800.000.000	1.600.000.000	800.000.000	800.000.000
- Nguyễn Hoàng Hải	6.000.000.000	6.000.000.000	7.000.000.000	1.000.000.000	-	-
- Bùi Văn Lan	1.400.000.000	1.400.000.000	3.000.000.000	1.600.000.000	-	-
- Bùi Thị Hinh	800.000.000	800.000.000	800.000.000	-	-	-
- Trần Thị Ngọc Xuân	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	-	-	-
- Trần Thị Thùy	1.100.000.000	1.100.000.000	1.100.000.000	-	-	-
- Nguyễn Thanh Bình	1.800.000.000	1.800.000.000	1.800.000.000	-	-	-
- Vay cán bộ CNV	764.188.738	764.188.738	2.180.148.738	1.932.012.892	516.052.892	516.052.892
b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	-	-	22.317.997.927	22.317.997.927	22.317.997.927
Tổng Công ty Vật Liệu Xây dựng số 1	-	-	-	22.317.997.927	22.317.997.927	22.317.997.927
Cộng	46.778.970.486	46.778.970.486	117.935.938.528	136.192.896.198	65.035.928.156	65.035.928.156

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.16 Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

Vay ngắn hạn Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng số 01/2016/9367/HĐTD ngày 29 tháng 02 năm 2016.

Số tiền được vay	Dư nợ tối đa với số tiền 35.000.000.000 đồng.
Mục đích vay	Bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh
Thời hạn vay	Theo từng giấy đề nghị giải ngân kèm hợp đồng tín dụng cụ thể, 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.
Lãi suất vay	Điều chỉnh theo từng lần nhận nợ
Số dư gốc vay tại ngày 31/12/2016	18.514.781.748 đồng

Vay ngắn hạn của các cá nhân khác

Công ty vay ngắn hạn của các cá nhân và cán bộ công nhân viên nhằm bổ sung vốn lưu động

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.17 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2015	60.000.000.000	2.305.148.444	11.415.380.879	19.698.989.560	93.419.518.883
Tăng trong năm	-	-	2.390.461.091	10.364.394.060	12.754.855.151
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	10.364.394.060	10.364.394.060
Phân phối lợi nhuận	-	-	2.390.461.091	-	2.390.461.091
Giảm trong năm	-	-	-	16.152.797.190	16.152.797.190
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	2.390.461.091	2.390.461.091
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	2.361.844.360	2.361.844.360
Chia cổ tức năm 2014 (*)	-	-	-	7.200.000.000	7.200.000.000
Tạm chia cổ tức năm 2015	-	-	-	4.200.000.000	4.200.000.000
Giảm khác	-	-	-	491.739	491.739
Số dư tại 31/12/2015	60.000.000.000	2.305.148.444	13.805.841.970	13.910.586.430	90.021.576.844
Số dư tại 01/01/2016	60.000.000.000	2.305.148.444	13.805.841.970	13.910.586.430	90.021.576.844
Tăng trong năm	-	-	2.731.200.000	36.139.796.249	38.870.996.249
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	32.939.796.249	32.939.796.249
Phân phối lợi nhuận	-	-	2.731.200.000	-	2.731.200.000
Thu tiền lợi nhuận từ Công ty con	-	-	-	3.200.000.000	3.200.000.000
Giảm trong năm	-	-	-	12.772.004.294	12.769.600.000
Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	-	2.731.200.000	2.731.200.000
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-	-	2.731.200.000	2.731.200.000
Chia cổ tức năm 2015 (*)	-	-	-	3.000.000.000	3.000.000.000
Tạm chia cổ tức năm 2016	-	-	-	4.200.000.000	4.200.000.000
Chi tiền khen thưởng HĐQT & BKS hoàn thành vượt mức kế hoạch năm 2015	-	-	-	107.200.000	107.200.000
Giảm khác	-	-	-	2.404.294	2.404.294
Số dư tại 31/12/2016	60.000.000.000	2.305.148.444	16.537.041.970	37.278.378.385	116.120.568.799

Đơn vị tính: VND

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI

Bảo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.17 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

(*) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2015 theo Nghị quyết Đại hội Đồng cổ đông thường niên số 15-2016/NQ-ĐHCD ngày 26 tháng 04 năm 2016, Công ty chi trả cổ tức năm 2015 với tỷ lệ 12% trên vốn điều lệ, tương ứng với số tiền là 7.200.000.000 đồng. Đồng thời Công ty thực hiện tạm chia cổ tức năm 2016 theo tỷ lệ 7% vốn điều lệ, tương ứng số tiền là 4.200.000.000 đồng.

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
1. Đại diện vốn Nhà Nước:		
Ông Nguyễn Đức Hoàng	248.000.000	12.278.000.000
Ông Hồ Đình Thuần		
2. Công ty TNHH Xây dựng An Cư	4.000.000.000	4.000.000.000
3. Các cổ đông khác	55.752.000.000	43.722.000.000
Cộng	60.000.000.000	60.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	60.000.000.000	60.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm		-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	60.000.000.000	60.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	7.200.000.000	7.200.000.000

d. Cổ phiếu

	31/12/2016 Cổ phiếu	01/01/2016 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.000.000	6.000.000
Cổ phiếu phổ thông	6.000.000	6.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Quỹ đầu tư phát triển	16.537.041.970	13.805.841.970
Cộng	16.537.041.970	13.805.841.970

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.18 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
a) Doanh thu	310.444.268.993	258.964.072.815
Doanh thu bán hàng	300.557.011.302	249.522.642.187
Doanh thu bất động sản đầu tư	9.614.530.418	9.391.376.981
Doanh thu khác	272.727.273	50.053.647
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu đối với các bên liên quan	236.380.823.652	201.090.734.440
Công ty TNHH MTV Thương mại Tuilidonai	236.380.823.652	201.090.734.440
Cộng	310.444.268.993	258.964.072.815

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán bị trả lại	-	76.391.065
Cộng	-	76.391.065

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Doanh thu thuần		
Doanh thu bán hàng	300.557.011.302	249.446.251.122
Doanh thu kinh doanh bất động sản	9.887.257.691	9.391.376.981
Doanh thu khác	-	50.053.647
Cộng	310.444.268.993	258.887.681.750

5.19 Giá vốn hàng bán

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	237.430.163.246	200.522.801.173
Giá vốn kinh doanh bất động sản	3.671.445.013	3.732.169.119
Hoàn nhập/Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(6.903.940.526)	5.178.055.851
Giá vốn cung cấp dịch vụ	-	8.241.847
Cộng	234.197.667.733	209.441.267.990

5.20 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	62.344.440	164.699.183
Lãi chênh lệch tỷ giá	397.416.821	443.560.270
Cộng	459.761.261	608.259.453

5.21 Chi phí tài chính

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền vay	4.000.686.478	5.691.022.458
Lỗ chênh lệch tỷ giá	131.211.559	188.116.630
Cộng	4.131.898.037	5.879.139.088

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.22 Chi phí bán hàng

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nhân viên	3.557.811.214	2.670.703.736
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	7.324.160.967	7.458.890.525
Chi phí dịch vụ mua ngoài	302.658.641	729.794.907
Chi phí bằng tiền khác	3.152.348.772	3.069.866.927
Cộng	14.336.979.594	13.929.256.095

5.23 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	6.593.097.676	5.835.541.090
Chi phí vật liệu quản lý	108.131.663	327.668.271
Chi phí khấu hao TSCĐ	370.618.167	384.386.895
Thuế phí và lệ phí	5.928.816.847	4.020.709.463
Chi phí dự phòng	(1.242.027.389)	12.648.793
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.128.601.011	1.008.403.522
Chi phí bằng tiền khác	4.207.112.835	5.530.323.210
Cộng	17.094.350.810	17.119.681.244

5.24 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	41.139.115.536	13.314.790.903
Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:	135.547.375	173.547.375
Thù lao của hội đồng quản trị không trực tiếp điều hành	48.000.000	86.000.000
Chi phí khấu hao xe ô tô trên có nguyên giá trên 1,6 tỷ	87.547.375	87.547.375
Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế:	292.792.725	77.443.533
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại khoản mục tiền, phải thu khách hàng	292.792.725	77.443.533
Thu nhập chịu thuế	40.981.870.186	13.410.894.745
Thu nhập tính thuế	40.981.870.186	13.410.894.745
Thuế suất thuế TNDN áp dụng	20%	22%
Điều chỉnh thuế TNDN truy thu các năm trước	2.945.250	-
Thuế TNDN hiện hành	8.199.319.287	2.950.396.843

5.25 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	111.607.623.717	94.911.982.228
Chi phí nhân công	75.480.620.956	64.524.810.044
Chi phí khấu hao tài sản cố định	35.490.353.193	25.244.003.715
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.430.339.831	18.485.773.698
Chi phí khác bằng tiền	13.076.889.671	27.455.259.575
Cộng	263.085.827.368	230.621.829.260

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

a. Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc Công ty

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát	Thu nhập từ lương, thưởng và các khoản khác	3.557.881.503	2.448.895.486

b. Giao dịch các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
<u>Giao dịch bán</u>				
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại TUILDONAI	Công ty con	Bán thành phẩm	236.380.823.652	201.090.734.440
<u>Giao dịch mua</u>				
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại TUILDONAI	Công ty con	Mua vật liệu xây dựng	564.364.505	413.597.203
<u>Giao dịch khác</u>				
Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng Số 1	Cổ đông lớn	Chi phí lãi vay	334.613.949	941.871.311
		Chia cổ tức	1.043.630.000	1.903.090.600
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại TUILDONAI	Công ty con	Góp vốn bằng thành phẩm	-	10.000.000.000

c. Số dư phải trả và phải trả khác với bên liên quan

Bên liên quan	Khoản mục	Tính chất giao dịch	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng Số 1	Vay dài hạn	Nợ gốc vay phải trả	-	22.317.997.927
	Chi phí phải trả	Chi phí lãi vay phải trả	-	13.589.297.654
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại TUILDONAI	Phải trả người bán	Mua Vật liệu Xây dựng	-	454.962.923

6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.16 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	34.822.574.855	14.052.889.212
Phải thu khách hàng và phải thu khác	17.976.950.964	14.061.945.378
Tổng	52.799.525.819	28.114.834.590
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	46.778.970.486	65.035.928.156
Phải trả người bán và phải trả khác	29.783.097.191	34.873.315.842
Chi phí phải trả	1.460.524.120	36.799.028.743
Tổng	78.022.591.797	136.708.272.741

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)**Rủi ro thị trường (Tiếp theo)***Quản lý rủi ro tỷ giá*

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị còn lại của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

Tên đối tượng	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2016	01/01/2016	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	236.000.237	336.750.000	21.851.001.012	12.360.482.651
Tổng	236.000.237	336.750.000	21.851.001.012	12.360.482.651

Khi tỷ giá biến động tăng/giảm 10% thì tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty cũng sẽ giảm/tăng 2,16 tỷ đồng

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

Tại 31/12/2016	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Phải trả khách hàng và phải trả khác	28.731.291.460	1.051.805.731	29.783.097.191
Chi phí phải trả	1.460.524.120	-	1.460.524.120
Các khoản vay	46.778.970.486	-	46.778.970.486
Tổng	76.970.786.066	1.051.805.731	78.022.591.797
Tại 01/01/2016	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Phải trả khách hàng và phải trả khác	33.821.510.111	1.051.805.731	34.873.315.842
Chi phí phải trả	36.799.028.743	-	36.799.028.743
Các khoản vay	42.717.930.229	22.317.997.927	65.035.928.156
Tổng	113.338.469.083	23.369.803.658	136.708.272.741

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Tại 31/12/2016	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	34.822.574.855	-	34.822.574.855
Phải thu khách hàng và phải thu khác	17.116.470.956	860.480.008	17.976.950.964
Cộng	51.939.045.811	860.480.008	52.799.525.819
Tại 01/01/2016	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.052.889.212	-	14.052.889.212
Phải thu khách hàng và phải thu khác	13.325.451.991	736.493.387	14.061.945.378
Cộng	27.378.341.203	736.493.387	28.114.834.590

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÔI ĐỒNG NAI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6.3 Số liệu so sánh

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 02 năm 2017

Người lập



Nguyễn Thị Vân

Kế toán trưởng



Bùi Thị Chiêm

Tổng Giám đốc



Nguyễn Đức Hoàng

30/03/2017